

# VIỆT NAM HỌC TRÊN ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN VÀ GIAO LƯU, HỢP TÁC QUỐC TẾ

*Phan Huy Lê\**

*Việt Nam học (Vietnamology / Vietnamologie) hay Nghiên cứu Việt Nam (Vietnamese Studies / Etudes Vietnamiennes)* là một ngành khoa học nghiên cứu về Việt Nam theo từng chuyên ngành như: lịch sử, địa lý, ngôn ngữ, văn học, văn hóa, kinh tế, xã hội, môi trường sinh thái... hay theo tính liên ngành của khu vực học.

Việt Nam trở thành quốc hiệu chính thức lần đầu năm 1804 dưới triều vua Gia Long, tồn tại đến năm 1838 khi vua Minh Mệnh đổi thành Đại Nam rồi được khôi phục từ năm 1945 sau Cách mạng tháng Tám - 1945 đến nay. Tuy nhiên Việt Nam là tên nước theo cách tự gọi của nhân dân thì đã có từ lâu đời, theo *Dư địa chí* (1435) của Nguyễn Trãi từ thời Kinh Dương Vương - Hùng Vương, dĩ nhiên theo truyền thuyết và được sử dụng trong văn học thành văn với tác phẩm *Việt Nam thế chí* của Hồ Tông Thốc đời Trần và tìm thấy phổ biến trong thơ văn, bi ký từ thế kỷ XVI-XVII. Điều quan trọng là không phải Việt Nam học chỉ bắt đầu từ khi có quốc hiệu Việt Nam và ngành khoa học này phải thay đổi tên gọi theo quốc hiệu của từng thời kỳ lịch sử mà cần quan niệm và xác định là xuất phát từ nước Việt Nam hiện đại với lãnh thổ và cộng đồng cư dân của nó để ngược về quá khứ, tất cả những nhóm tộc người, những cộng đồng cư dân sống trên lãnh thổ này cùng những quốc gia, những thành tựu văn hóa của họ đều thuộc về lịch sử và văn hóa Việt Nam. Việt Nam học cũng cần nhận thức không phải chỉ là nghiên cứu về Việt Nam của các học giả nước ngoài mà bao gồm cả thành tựu nghiên cứu trong nước và trên thế giới về Việt Nam.

Với quan niệm như trên, cho đến ngày nay, Việt Nam học đã trải qua ba thời kỳ:

- Thời kỳ thứ nhất: hình thành và phát triển trong thời cổ - trung đại tính từ khi bắt đầu có những ghi chép và biên khảo về đất nước, con người, lịch sử và văn hóa Việt Nam của người Việt Nam và người nước ngoài.

\* Giáo sư, Đại học Quốc gia Hà Nội. Việt Nam.

- Thời kỳ thứ hai: Việt Nam học cận đại.
- Thời kỳ thứ ba: Việt Nam học hiện đại.

### Về thời kỳ thứ nhất

Những ghi chép đầu tiên về Việt Nam tìm thấy trong thư tịch cổ Trung Hoa, trong 25 bộ sử các vương triều và nhiều trước tác của tư gia. Những thư tịch cổ này đã được nhà Thanh tập hợp lại bộ tùng thư đồ sộ *Tứ khố toàn thư*. Đây là một nguồn sử liệu vô cùng quý giá mà các học giả Việt Nam và nước ngoài đã ra sức khai thác và cho đến nay chưa thể nói là đã cạn thông tin.

Sau khi giành lại độc lập thế kỷ X, công việc biên soạn về lịch sử, văn học, địa lý Việt Nam khởi đầu từ triều Lý (1009-1225) và phát triển mạnh từ triều Trần (1226-1400) cho đến triều Nguyễn (1802-1945). Kho tàng thư tịch cổ Việt Nam để lại một di sản Hán Nôm lớn gồm các bộ sử như: *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Nam thực lục*, các bộ luật, các bộ tùng thư và các trước tác về thơ, văn, sử, triết của tư gia với những tên tuổi lừng danh như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú... Ngoài ra phải kể thêm những nguồn tư liệu đa dạng chứa đựng nhiều thông tin phong phú phản ánh trung thực cuộc sống của nhân dân như: văn hóa dân gian của dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số, châu bản triều Nguyễn, bi ký, gia phả, địa bạ, hương ước... mà gần đây các học giả Việt Nam đang ra sức thu nhập và tổ chức khai thác.

Từ thế kỷ XVI-XVII, Việt Nam bắt đầu tiếp xúc với một số nước phương Tây như: Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Pháp, Anh... và thư từ, du ký, hồi ức do các giáo sĩ, thương gia phương Tây viết bổ sung thêm một nguồn tư liệu mới dưới góc nhìn miêu tả, so sánh của văn hóa phương Tây. Cũng từ đây, chữ Quốc ngữ ra đời như sản phẩm giao lưu văn hóa Việt - Tây và khởi đầu một nguồn tư liệu viết bằng chữ Quốc ngữ.

Cho đến cuối thế kỷ XIX, tuy đã hình thành ba nguồn tư liệu trên với nhiều tác giả nổi tiếng nhưng khảo cứu về Việt Nam chủ yếu thuộc về các học giả Việt Nam với nhiều tác phẩm sưu tầm, biên khảo về thơ văn, lịch sử, địa chí, trong đó có tham khảo một phần thư tịch Trung Hoa. Các tác giả nước ngoài nghiên cứu về Việt Nam trong thời kỳ này chủ yếu là học giả Trung Hoa, trong đó có một số chuyên khảo có giá trị về Việt Nam như: *Giao Châu cáo* của Trần Cương Trung, *An Nam hành ký* của Từ Minh Thiện đời Nguyên, *Việt kiều thư* của Lý Văn Phương đời Minh, *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng đời Thanh... Các công trình biên khảo về Việt Nam trong thời kỳ này đều viết theo phương pháp và thể loại của văn hóa Việt Nam và Đông Á thời cổ - trung đại với những ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Trung Hoa.

## VỀ THỜI KỲ THỨ HAI: VIỆT NAM HỌC CẬN ĐẠI

Trong lịch sử thế giới, thời kỳ cận đại là thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản, của nền văn minh công nghiệp với nhiều tiến bộ lớn lao về kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ. Nhưng Việt Nam và cả phương Đông, trừ Nhật Bản, thời cận đại chủ yếu lại là thời kỳ bành trướng và thống trị của chủ nghĩa thực dân. Trong quan niệm mang tính quy ước của giới sử học Việt Nam, thời kỳ cận đại là thời Pháp thuộc, thời kỳ thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp. Nội dung lịch sử chủ yếu của thời kỳ này là Pháp thuộc và chống Pháp thuộc, một mặt là sự bóc lột, khai thác thuộc địa và đàn áp của chủ nghĩa thực dân và mặt đối lập là cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Bên cạnh đó, cần ghi nhận thêm, đây cũng là thời kỳ đã diễn ra quá trình cận đại hóa kết cấu kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học Việt Nam. Trên các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp và trong quan hệ giao lưu văn hóa giữa Việt Nam với phương Tây qua văn hóa Pháp, nhiều thành tựu của văn hóa, khoa học cận đại phương Tây đã được du nhập vào Việt Nam và tác động theo hướng cận đại hóa nền văn hóa, khoa học Việt Nam. Từ đây nảy sinh hai xu hướng của quá trình cận đại hóa ở Việt Nam: chính quyền thực dân áp đặt nền văn hóa khoa học phương Tây qua thể chế chính trị, hệ thống giáo dục, thiết chế văn hóa và nền học thuật truyền thống Việt Nam chuyển hướng theo con đường cận đại hóa. Trong thời cận đại này, một loạt ngành khoa học và nghệ thuật mang tính cận đại của phương Tây đã ra đời ở Việt Nam như: khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học, văn bản học, bảo tàng học, bảo tồn học, âm nhạc, hội họa, kiến trúc, sân khấu, báo chí...

Trong bối cảnh đó, Việt Nam học cũng có những biến đổi sâu sắc. Các học giả Pháp và phương Tây nghiên cứu về Việt Nam tập trung chủ yếu trong Viện Viễn Đông bác cổ Pháp (Ecole Française d'Extrême-Orient, EFEO) thành lập năm 1900 có trụ sở và thư viện chính đặt tại Hà Nội. Các học giả phương Tây áp dụng phương pháp cận đại trong nghiên cứu Việt Nam và hàng loạt công trình khoa học được xuất bản hay công bố trên tạp chí của Viện Viễn Đông bác cổ (Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, BEFEO). Tạp chí này cùng với tạp chí Đô thành hiếu cổ Huế (Bulletin des Amis du Vieux Hue, BAVH) và tạp chí Hiệp hội nghiên cứu Đông Dương (Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises, BSEI) là những tạp chí khoa học tiêu biểu của học giả Pháp và phương Tây nghiên cứu về Việt Nam, trong nghiên cứu chung về Đông Dương và Viễn Đông. Trong nửa đầu thế kỷ XIX, những học giả này đã đạt nhiều thành tựu nghiên cứu lớn trên các lĩnh vực khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học, sử học, địa chất học, địa lý học với tên tuổi của nhiều nhà Đông phương học nổi tiếng như Henry Mespéro, Léonard Arousseau, Paul Pelliot, Léopold Cadière, Emile Gasparдонne, André Georges Haudrricourt, Madeleine Colani, Pierre Gourou... Viện Viễn Đông bác cổ Pháp cũng có

công lớn trong thu thập và bảo quản các thư tịch Hán Nôm, văn bia, lập hồ sơ khoa học nhiều di sản văn hóa vật thể, xây dựng bảo tàng<sup>(1)</sup>. Nhưng Việt Nam học chưa được đối xử như một ngành khoa học riêng biệt mà luôn luôn gắn liền và coi như một bộ phận của nghiên cứu Đông Dương hay nghiên cứu Trung Hoa, nghiên cứu Ấn Độ. Mặt khác chủ nghĩa châu Âu trung tâm (Eurocentrisme) và tư tưởng thực dân chủ nghĩa cũng để lại dấu ấn trong một số tác giả. Việt Nam học lúc ấy phát triển trong sự phát triển chung của nền Đông phương học phương Tây.

Nền học thuật truyền thống Việt Nam cũng biến đổi nhanh theo hướng cận đại hóa với công lao hàng đầu thuộc về những trí thức Tây học có tinh thần dân tộc và những học giả trong nước có tinh thần cấp tiến. Họ vận dụng lý luận, phương pháp luận và kiến thức khoa học phương Tây để nghiên cứu lịch sử, văn hóa Việt Nam. Những nhà khoa học tiêu biểu trên con đường cận đại hóa này là Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Văn Tố, Trần Văn Giáp, Hoàng Xuân Hãn, Đào Duy Anh, Đặng Thai Mai. Một khuynh hướng mới nảy sinh trong thời kỳ này là tự tiếp thu và truyền bá chủ nghĩa Mác vào Việt Nam mà người mở đường là Nguyễn Ái Quốc và từ đây xuất hiện một số công trình nghiên cứu lịch sử, văn hóa Việt Nam trên quan điểm duy vật lịch sử. Việt Nam học cận đại gồm hai dòng: nghiên cứu Việt Nam của các học giả Việt Nam và nghiên cứu Việt Nam của các nhà Đông phương học phương Tây, phát triển dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp.

### **Về thời kỳ thứ ba: Việt Nam học hiện đại**

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám - 1945, Việt Nam giành lại độc lập dân tộc trên phạm vi cả nước, nhưng rồi phải tiến hành hai cuộc kháng chiến trong 30 năm (1945-1975) để hoàn thành sự nghiệp độc lập và thống nhất Tổ quốc. Trong hoàn cảnh chiến tranh, công việc nghiên cứu về Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn nhưng cũng đạt một số thành tựu đặt cơ sở cho sự hình thành nền Việt Nam học hiện đại. Đó là sự thành lập Ban Văn Sử Địa năm 1953 rồi tiếp theo là sự ra đời của Viện Sử học, Viện Văn học, Viện Khảo cổ học, Viện Dân tộc học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội (sau là Viện Khoa học xã hội, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, nay là Viện Khoa học xã hội Việt Nam). Cùng lúc đó là sự thành lập hệ thống đại học Việt Nam trong đó có những khoa và bộ môn đào tạo, nghiên cứu về lịch sử, khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ, văn học, địa lý, địa chất. Lần đầu tiên trong lịch sử, một đội ngũ các nhà khoa học nghiên cứu về Việt Nam trên các chuyên ngành quan trọng nhất đã được đào tạo ở trong nước và công việc nghiên cứu Việt Nam được triển khai theo khuynh hướng khoa học hiện đại.

Sau khi chiến tranh kết thúc năm 1975, nhất là từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới năm 1986, cùng với những thành tựu phát triển kinh tế-xã hội và



hội nhập thế giới, Việt Nam học càng có điều kiện phát triển thuận lợi. Cho đến nay, hệ thống đào tạo và nghiên cứu liên quan đến Việt Nam học trong nước đã có những bước phát triển đáng kể và tương đối đồng bộ. Bên cạnh những chuyên ngành đã thành lập từ trước, những năm 80 của thế kỷ XX xây dựng thêm nhiều ngành mới như xã hội học, nhân học, môi trường sinh thái, các ngành của kinh tế học, luật học, văn hóa học... Các tổ chức đào tạo và nghiên cứu về Việt Nam tập trung ở Viện Khoa học xã hội, Viện Khoa học và Công nghệ, các trường đại học và một số Viện, Trung tâm khoa học của các ngành. Một số nhà khoa học trẻ tuổi được gửi đi đào tạo cấp thạc sĩ và tiến sĩ ở nước ngoài.

Công việc sưu tầm và khai thác các nguồn tư liệu trong mấy thập kỷ vừa qua được giới khoa học Việt Nam đặc biệt quan tâm và đạt nhiều kết quả tốt đẹp. Công việc điều tra, khai quật khảo cổ học được mở rộng trên phạm vi cả nước và đã làm sáng rõ các giai đoạn phát triển tiền sử ở Việt Nam từ Bắc đến Nam, từ miền đồng bằng ven biển, hải đảo đến vùng núi rừng miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên. Các nền văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh, Champa, Óc Eo được nhận thức sâu sắc hơn trên cơ sở những phát hiện khảo cổ học mới. Đặc biệt năm 2003-2004, phát hiện di tích Hoàng thành Thăng Long ở Hà Nội với bề dày hơn 10 thế kỷ lịch sử đang thu hút sự quan tâm của cả nước và giới Việt Nam học nước ngoài. Các kho tư liệu hết sức đồ sộ của châu bản triều Nguyễn, của hàng chục vạn văn bia, địa bạ, gia phả, hương ước đang được khai thác, đưa lại nhiều kết quả khả quan. Các tư liệu văn hóa dân gian, đặc biệt các sử thi, luật tục, âm nhạc của các dân tộc thiểu số cũng đang được sưu tầm với nhiều hứa hẹn đầy triển vọng.

Cùng với nghiên cứu chuyên ngành, việc nghiên cứu Việt Nam theo khuynh hướng liên ngành của khu vực học được quan tâm và triển khai trong nhiều công trình khoa học, nhất là các chương trình và đề tài khoa học cấp Nhà nước. Năm 1989 một tổ chức nghiên cứu liên ngành về Việt Nam học được thiết lập ở Đại học Tổng hợp Hà Nội. Đó là Trung tâm Hợp tác nghiên cứu của Việt Nam, năm 1995 đổi thành Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và giao lưu văn hóa thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và năm 2004 được nâng lên thành Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển. Việc đào tạo về Việt Nam học cấp Đại học giành cho sinh viên nước ngoài đã phát triển ở một số trường đại học lớn và gần đây chương trình đào tạo Việt Nam học cấp Thạc sĩ và Tiến sĩ đang được xây dựng để chuẩn bị triển khai trong những năm sắp tới. Dĩ nhiên trên đường phát triển, Việt Nam học cũng bộc lộ một số hạn chế nhất là về trình độ lý luận và phương pháp luận cần được khắc phục để tiến kịp trào lưu khoa học trên thế giới.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền Đông phương học trên thế giới trải qua nhiều biến đổi lớn ảnh hưởng đến sự phát triển của Việt Nam học ở nước ngoài. Các nước phương Đông lần lượt giành lại độc lập, chủ nghĩa

thực dân bị xóa bỏ và trên con đường phát triển độc lập, mỗi nước phương Đông tổ chức lại việc nghiên cứu đất nước, lịch sử và văn hóa của mình. Sau một thời gian khủng hoảng vào những năm 50 - 60 của thế kỷ XX, nền Đông phương học phương Tây cũng chuyển hướng quan niệm và phương pháp tiếp cận phương Đông, thiết lập quan hệ giao lưu, hợp tác trong quan hệ bình đẳng với các nước phương Đông. Từ nghiên cứu chuyên ngành chuyển sang nghiên cứu liên ngành theo khu vực học là một hướng phát triển mới của Đông phương học hiện đại.

Việt Nam lại là nước đi đầu trong phong trào giải phóng dân tộc và sau chiến tranh, công cuộc đổi mới, xây dựng lại đất nước và hội nhập khu vực, hội nhập thế giới đạt nhiều thành tựu mới, càng thu hút sự quan tâm và nghiên cứu của các học giả nước ngoài. Trong bối cảnh đó, ngành Việt Nam học hiện đại ra đời và xác lập vị trí trong sự phát triển của nền Đông phương học thế giới. Trong số các nhà Việt Nam học nước ngoài dĩ nhiên thuộc nhiều trường phái triết học và khoa học khác nhau, có những quan điểm chính trị khác nhau, nhưng là nhà khoa học, họ đều có mục tiêu và ước vọng chung là nhận thức Việt Nam một cách trung thực, khách quan trong quan niệm Việt Nam là một nước độc lập, có lịch sử và văn hóa lâu đời, tồn tại và phát triển trong quan hệ giao lưu với nhiều nền văn hóa khu vực Đông Nam Á, Đông Á, Nam Á, nhất là Trung Hoa, Ấn Độ và một số nền văn hóa phương Tây. Đặc biệt, trong số các nhà Việt Nam học nước ngoài có một số học giả gốc người Việt nằm trong cộng đồng người Việt Nam hải ngoại. Họ nghiên cứu Việt Nam không chỉ như một đối tượng khoa học mà còn mang trong tâm hồn và trí tuệ của mình những tình cảm dân tộc sâu xa.

Sự phát triển của Việt Nam học hiện đại tùy hoàn cảnh cụ thể của từng nước không tránh khỏi những bước thăng trầm của lịch sử.

Pháp là nước đi đầu trong nghiên cứu Việt Nam ở châu Âu và đã từng có nhiều nhà Việt Nam học lỗi lạc, nhưng nay hình như đang trải qua một bước hơi gián đoạn về nối tiếp thế hệ và tôi hy vọng nhiều ở lớp nhà khoa học trẻ hôm nay sẽ là tương lai gần của Việt Nam học của Pháp.

Nghiên cứu Việt Nam ở Liên Xô, Trung Hoa, Đông Âu đã từng một thời phát triển sôi nổi cũng bị sa sút sau sự sụp đổ của Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và trong cách mạng văn hóa ở Trung Hoa. Nhưng tôi cũng vui mừng nhận thấy sự cố gắng duy trì hoạt động của các nhà Việt Nam học trong hoàn cảnh hết sức khó khăn và sự phục hồi của Việt Nam học ở Trung Hoa, Nga, Đức trong thời gian gần đây. Việt Nam học ở Liên Xô do nhà Đông phương học nổi tiếng A. A. Guber xây dựng, đạt đến trình độ cao nhất vào những năm 70, 80 của thế kỷ XX với một đội ngũ các nhà khoa học và tổ chức nghiên cứu mạnh nhất thế giới lúc đó. Gần đây, các nhà Việt Nam học ở Nga đã cố gắng tập hợp lực lượng lại trong Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam Moskva với hội thảo khoa học tổ chức hàng năm. Việt Nam học vốn có truyền thống lâu đời ở Trung Hoa và từ

những năm 90 trở lại đây đã phát triển khá mạnh như một ngành khoa học độc lập hoặc như một bộ phận của nghiên cứu khu vực Đông Nam Á. Việt Nam học phát triển tại các trường đại học lớn như: Đại học Bắc Kinh, Đại học Trịnh Châu và trong các tỉnh chung biên giới với Việt Nam như Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam.

Việt Nam học ở Hoa Kỳ đã phát triển khá mạnh trong thời gian chiến tranh Việt Nam và giảm sút nhanh sau khi chiến tranh kết thúc. Nhưng trong vài thập kỷ gần đây, Việt Nam học ở Mỹ, Canada cũng lấy lại đà phát triển và bên cạnh những nhà Việt Nam học lão thành đã xuất hiện những nhà nghiên cứu Việt Nam trẻ tuổi.

Điều đáng lưu ý là Việt Nam học hiện đại có xu hướng lan rộng và phát triển khá nhanh ở nhiều nước. Ngoài những nước kể trên, tổ chức nghiên cứu và đào tạo Việt Nam học đã ra đời hoặc đang hình thành trong một số trường đại học của Nhật Bản, Hàn Quốc ở Đông Á; Thái Lan, Malaysia, Singapore ở Đông Nam Á; Australia ở châu Đại Dương; Hà Lan, Bỉ, Anh, Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển, Italia ở châu Âu. Tôi rất vui mừng khi thấy Việt Nam học cũng đang được gây dựng ở một số nước láng giềng trong khu vực Đông Nam Á như Lào, Campuchia, Indonesia, Philippine. Đặc biệt Việt Nam học phát triển rất nhanh ở Nhật Bản và Hàn Quốc.

Tại Nhật Bản, Việt Nam học đã nảy sinh từ cuối thế kỷ XIX, ra đời trong Chiến tranh thế giới thứ hai và phát triển nhanh trong phong trào ủng hộ Việt Nam thời chiến tranh, nhất là trong quan hệ giao lưu, hợp tác giữa hai nước trong hai thập kỷ trở lại đây. Năm 1987, Hội Nhật Bản nghiên cứu Việt Nam được thành lập do nhà Việt Nam học và Đông phương học nổi tiếng Yamamoto Tatsuro sáng lập, tập hợp trên 100 học giả. Đến nay Nhật Bản có khoảng 200 nhà nghiên cứu Việt Nam trên hầu hết các lĩnh vực, gồm nhiều thế hệ và hàng năm tổ chức hội thảo về Việt Nam học. Hiện nay Nhật Bản là nước có đội ngũ những nhà Việt Nam học hùng hậu và phát triển mạnh nhất.

Tại Hàn Quốc, Việt Nam học chỉ mới bắt đầu từ năm 1966 khi Khoa tiếng Việt được thành lập ở trường Đại học Hankuk. Đến nay Hàn Quốc đã có 4 trường đại học và cao đẳng mở ngành đào tạo về Việt Nam học và Hội Hàn Quốc nghiên cứu Việt Nam đã có 70 thành viên.

Việt Nam học tại Australia cũng mới ra đời và phát triển nhanh với nhiều học giả có tên tuổi trên thế giới.

Một đặc điểm nổi bật của Việt Nam học hiện đại là hầu hết các nhà khoa học đều biết tiếng Việt, nhiều người sử dụng thành thạo tiếng Việt và một số biết cả chữ Hán, chữ Nôm.

Việt Nam học càng ngày càng có tiếng nói trên các diễn đàn khoa học quốc tế. Trong những hội thảo quốc tế lớn như Đại hội sử học thế giới do



Ủy ban quốc tế các khoa lịch sử (CISH) tổ chức 5 năm một lần, Hội thảo của các nhà sử học Á châu (IAHA) tổ chức 2 năm một lần, Hội thảo hàng năm do Hội nghiên cứu Á châu của Mỹ tổ chức, Hội thảo về Đông phương học, về nghiên cứu Đông Nam Á, đều có những báo cáo khoa học về Việt Nam. Ở châu Âu, từ năm 1993 đã hình thành mạng lưới nghiên cứu Việt Nam mang tên Euroviet và 2 năm một lần tổ chức Hội thảo quốc tế về Việt Nam. Gần đây, một số hội thảo quốc tế hay quốc gia về Việt Nam cũng đã được tổ chức ở nhiều nước nhân dịp ngày kỷ niệm những sự kiện lịch sử Việt Nam hay do yêu cầu phát triển quan hệ giao lưu, hợp tác với Việt Nam. Ví dụ gần đây nhất là trong dịp kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ và Hội nghị Genève, hai hội thảo quốc tế đã được tổ chức ở Paris và Bắc Kinh.

Các nhà Việt Nam học thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu về Việt Nam, trong đó có những công trình đồ sộ và có giá trị. Theo kết quả thống kê của David Marr trong cuốn sách về thư mục Việt Nam xuất bản năm 1992 thì trong tổng số 1.038 đơn vị sách, bài báo, tư liệu có 577 đơn vị của tác giả nước ngoài, chiếm tỷ lệ 55%<sup>(2)</sup>. Riêng về chủ đề chiến tranh Pháp ở Đông Dương (1945-1954), năm 2002 Alain Rucio thống kê được 11.702 đơn vị, trong đó tác giả nước ngoài có 10.308 đơn vị, chiếm tỷ lệ 88,5%<sup>(3)</sup>. Qua vài thống kê định lượng trên, tất nhiên là chưa đủ và cập nhật, đã cho thấy vai trò và cống hiến to lớn của các nhà Việt Nam học nước ngoài trong nghiên cứu Việt Nam.

Sự phát triển của Việt Nam học trên bình diện thế giới đã đến lúc đòi hỏi mở rộng quan hệ giao lưu hợp tác giữa các nhà Việt Nam học với nhau, giữa Việt Nam với các tổ chức Việt Nam học ở nước ngoài. Trên thực tế, quan hệ hợp tác nghiên cứu Việt Nam theo các dự án song phương hay đa phương, theo từng chủ đề mang tính chuyên ngành hay liên ngành đã được thực hiện có hiệu quả sự hợp tác giữa các tổ chức khoa học Việt Nam với nước ngoài. Nhưng trong nhu cầu phát triển cũng như trong ước vọng của các nhà Việt Nam học, sự giao lưu hợp tác cần nâng lên một trình độ mang tính tổ chức, toàn diện và thường xuyên hơn.

Do nhận thức được nhu cầu và nguyện vọng đó, năm 1998 Đại học Quốc gia Hà Nội cùng Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia đồng chủ trì tổ chức Hội thảo quốc tế về Việt Nam học lần thứ nhất tại Hà Nội. Trong tổng số hơn 600 nhà khoa học tham dự hội thảo có gần 300 nhà Việt Nam học nước ngoài đến từ 26 nước. Các nhà Việt Nam học đã đem đến Hội thảo những kết quả nghiên cứu khoa học mới nhất, góp phần nâng cao nhận thức về Việt Nam và qua Hội thảo đã có dịp mở rộng sự giao lưu, đối thoại để thắt chặt hơn quan hệ đồng nghiệp trong sự hiểu biết lẫn nhau. Đây là cuộc gặp mặt quốc tế có quy mô lớn nhất về Việt Nam học, đánh dấu một bước phát triển mới trong quan hệ giao lưu hợp tác của các nhà Việt Nam học trên phạm vi thế giới. Qua Hội nghị bàn tròn ngày



16-7-1998 và phiên họp bế mạc ngày 17-7-1998, toàn thể các nhà khoa học tham dự Hội thảo đều nhất trí kiến nghị cần định kỳ tổ chức Hội thảo quốc tế về Việt Nam học, sớm thành lập một Hội đồng quốc tế về Việt Nam học đảm nhiệm vai trò giữ vững mối liên hệ giữa các nhà Việt Nam học và các tổ chức Việt Nam học trên thế giới, đồng thời thiết lập kênh thông tin để trao đổi và cập nhật những tư liệu và kết quả nghiên cứu Việt Nam, những kinh nghiệm trong nghiên cứu và đào tạo về Việt Nam học, về giảng dạy và học tập tiếng Việt.

Rất tiếc là sau Hội thảo thành công rực rỡ đó, việc thực hiện các kiến nghị của các nhà Việt Nam học triển khai chậm và đến hôm nay, sau 6 năm chúng ta mới có cuộc Hội thảo lần thứ II. Vì vậy trong Hội thảo này, tôi xin trân trọng đề nghị, ngoài các báo cáo và thảo luận, chúng ta nên giành một phần thời gian, nhất là trong Hội nghị bàn tròn, để trao đổi và đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm sớm thực hiện những kiến nghị của Hội thảo lần thứ I. Mở rộng quan hệ giao lưu hợp tác trong nghiên cứu Việt Nam không chỉ là mong muốn, nguyện vọng của các nhà Việt Nam học mà còn là yêu cầu phát triển khách quan và bức thiết của Việt Nam học bước vào thế kỷ XXI. Một tổ chức khoa học hợp lý kèm theo những phương thức hoạt động phù hợp chắc chắn sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển của Việt Nam học ở Việt Nam và trên thế giới, mở ra chương mới của lịch sử Việt Nam học trong bối cảnh xu thế giao lưu và hội nhập, xu thế toàn cầu hóa của thời đại.

## CHÚ THÍCH

1. Viện Viễn Đông bác cổ Pháp - Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia: *90 năm nghiên cứu về văn hóa và lịch sử Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1995.
2. David Marr, *Vietnam*, T. 47 trong World Bibliographical Series, CLIO Press, Oxford, England, Santa Barbara California, Denver, Colorado, 1992.
3. Alain Ruscio, *La guerre française d'Indochine (1945-1954)*. Les sources de la connaissance, Les Indes savantes, Paris 2002.